

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2021/DSPT

Ngày 11 - 01 - 2021

V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nhung

Các Thẩm phán: 1. Ông Doãn Đình Quyền.

2. Ông Nguyễn Văn Bằng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đỗ Thành Trung - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Minh - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số: 208/2020/TLPT-DS, ngày 15/10/2020 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 14/2020/DSST ngày 26/8/2020 của Tòa án nhân dân huyện M’Đrăk bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 252/2020/QĐ-PT ngày 24 tháng 11 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Bùi Văn P, sinh năm 1966 và bà Hoàng Thị T, sinh năm 1972.

Trú tại: Thôn T, xã C, huyện M, tỉnh Đắk Lắk. Bà T ủy quyền cho ông P tham gia tố tụng. Ông P có mặt tại phiên tòa.

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị L sinh ngày 31/12/1960. Địa chỉ: thôn 3, xã K, huyện M, tỉnh Đắk Lắk. Có mặt

3. Người kháng cáo: Bị đơn bà Nguyễn Thị L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn vợ ông Bùi Văn P bà Hoàng Thị T trình bày:

Ngày 13/7/2008 vợ chồng tôi cho bà Nguyễn Thị L vay 01 cây vàng miếng (SJC) lãi suất 300.000đồng/tháng; Ngày 27/7/2008 vợ chồng tôi cho bà L vay 02 cây vàng miếng (SJC) lãi suất 300.000đồng/tháng/cây; Ngày 05/8/2008 vợ chồng tôi cho bà L vay 01 cây vàng 9999 lãi suất 300.000đồng/tháng, các giấy vay vàng,

vợ tôi (Hoàng Thị T) là người viết giấy, bà L ký.

Ngày 17/4/2012 (âm lịch) vợ chồng tôi cho bà L vay 02 cây vàng miếng (SJC) lãi suất 400.000đồng/tháng/cây, bà L tự viết giấy vay vàng. Sau khi bà L viết giấy vay vàng, vợ chồng tôi giao 02 cây vàng cho bà L. Tôi xem lại giấy bà L viết, tôi nói lãi suất theo tháng, tại sao chị viết lãi theo ngày, thì bà L nói tôi viết lại, nên tôi gạch 3 chữ “ngày 4 trăm” và viết thêm (1 tháng bốn trăm). Tất cả các lần vay vàng trước đều thể hiện lãi trả theo tháng, bà L viết nhầm lãi theo ngày, nên tôi mới gạch có 3 chữ. Bà L chưa trả số vàng này cho chúng tôi, nếu bà L đã trả thì tôi phải đưa lại giấy vay vàng cho bà L hoặc bà L phải yêu cầu tôi gạch chéo hết chữ không thể gạch 3 chữ mà coi như đã trả rồi là không đúng. Tại phiên tòa, bà L khai vay năm 2009 là không đúng, giấy vay vàng do bà L viết “17 âm lịch 4-20012”, tôi không để ý bà L viết sai năm “20012”, tôi không yêu cầu giám định chữ số “20012”.

Ngày 13/6/2016 vợ chồng tôi cho bà L vay 300.000.000đồng để đáo nợ Ngân hàng, bà L đưa cho tôi giữ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên Triệu Văn P1 (nay tôi đã lại cho bà L). Bà L là người viết giấy vay tiền, bà L thỏa thuận với vợ chồng tôi là lãi 2%/ tháng, do vợ chồng tôi không xem kỹ nội dung bà L viết, nên vợ chồng tôi không yêu cầu bà L phải viết tiền lãi vào giấy vay tiền. Thời hạn vay không thỏa thuận, nhiều lần bà L vay tiền của vợ chồng tôi cũng đều thể hiện lãi 2%/tháng.

Ngày 22/9/2016 bà L trả cho vợ chồng tôi 80.000.000đồng tiền lãi của số vàng bà L vay vợ chồng tôi 6 cây vàng và 300.000.000đồng như đã nêu trên. Kể từ ngày vợ chồng tôi cho bà L vay vàng và tiền, đến ngày 22/9/2016 bà L trả cho vợ chồng tôi 80.000.000đồng tiền lãi, vợ chồng tôi chỉ nhận tạm số tiền lãi này chứ chưa tính toán cụ thể với bà L. Tôi là người viết với nội dung “DL ngày 22/9/2016. AL 22/8/2016”, bà L viết “đã trả được (80.000.000đ) tám mươi triệu đồng”. Tôi và bà L viết nội dung này dưới nội dung giấy vay tiền mà bà L viết ngày 13/6/2016 vào cuốn sổ của tôi. Sau khi bà L viết và ký tên, tôi nói đây là tiền lãi vay vàng và tiền lãi của số tiền chị vay 300.000.000đồng, bà L không nói gì, nên tôi tự viết thêm cụm từ “số tiền lãi” trước cụm từ bà L đã viết “tám mươi triệu đồng”. Kể từ ngày 22/9/2016 đến nay, bà L không trả tiền lãi, tiền vay gốc và vàng cho vợ chồng tôi.

Theo đơn khởi kiện, vợ chồng tôi yêu cầu Tòa án buộc bà L phải trả nợ cho vợ chồng tôi: 06 (Sáu cây vàng) trong đó 05 cây vàng miếng SJC và 01 cây vàng 9999; 300.000.000đồng tiền gốc và 270.000.000đồng tiền lãi (tạm tính từ ngày 22/9/2016 đến ngày khởi kiện 01/7/2020), cùng tiền lãi phát sinh cho đến khi bà L trả xong nợ cho vợ chồng tôi với lãi suất 2%/tháng. Nay chúng tôi rút một phần yêu cầu về tiền lãi, nếu phần yêu cầu khởi kiện của vợ chồng tôi yêu cầu bà L phải trả tiền lãi của số vàng và tiền vay không đúng hoặc vượt quá quy định của pháp

luật. Cụ thể, tôi yêu cầu Tòa án buộc bà L phải trả nợ cho vợ chồng tôi: 06 (Sáu cây vàng), trong đó 05 cây vàng miếng SJC và 01 cây vàng 9999; 300.000.000đồng tiền gốc và tiền lãi phát sinh mà bà L vay vợ chồng tôi vào ngày 13/6/2016 theo quy định của pháp luật, được khấu trừ vào số tiền 80.000.000đồng sau khi trừ tiền lãi mà bà L đã trả cho vợ chồng tôi vào ngày 22/9/2016 theo quy định của pháp luật.

*** Tại bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa, bị đơn là bà Nguyễn Thị L trình bày:** Tôi thừa nhận ngày 13/7/2008 tôi vay của vợ chồng ông P bà T 01cây vàng miếng (SJC) lãi suất 300.000đồng/tháng; ngày 27/7/2008 tôi vay của vợ chồng ông P bà T 02 cây vàng miếng (SJC) lãi suất 300.000đồng/cây/tháng; ngày 05/8/2008 tôi vay của vợ chồng ông P bà T 01 cây vàng 9999 lãi suất 300.000đồng/tháng. Trong các lần vay này bà T là người viết giấy, tôi ký.

Ngày 17/4/2009 (âm lịch) tôi vay của vợ chồng ông P bà T 02 cây vàng miếng (SJC) lãi suất 400.000đồng/tháng/cây. Tôi tự viết, lãi suất ngày 4 trăm ngàn đồng. Hiện nay ông P thừa nhận đã tự gạch 3 chữ “ngày 4 trăm” và viết thêm (01 tháng bốn trăm). Tôi vay ngày 17/4/2009 (âm lịch) chứ không phải 17/4/2012 (âm lịch), tôi chỉ viết “ngày 17 âm lịch tháng 4”, nay tôi phát hiện ra ai đã viết thêm vào các chữ số “20012” sau chữ tôi viết “17 âm lịch tháng 4”, nhưng tôi không yêu cầu giám định chữ số “20012”. Bởi vì, sau khi vay khoảng hơn 1 tháng, tôi đã trả vàng và lãi đầy đủ cho vợ chồng ông P bà T, do tin tưởng vợ chồng ông P bà T, nên tôi không yêu cầu vợ chồng ông P bà T trả lại giấy vay vàng hay yêu cầu gạch nội dung vay vàng. Nay ông P tự ý viết thêm vào giấy vay vàng, gạch 3 chữ, là quyền của ông P, mà trong giấy vay vàng đã bị gạch bất cứ chữ gì và tự ý viết thêm vào thì không còn giá trị, coi như đã trả xong.

Ngày 13/6/2016 tôi vay của vợ chồng ông P bà T 300.000.000đồng, tôi là người viết giấy vay tiền. Lãi suất tôi không viết trong giấy vay tiền, nhưng tôi và vợ chồng ông P bà T thỏa thuận lãi là 3.000đồng/triệu/ngày (tức 9%/tháng), thời hạn vay 10 ngày. Tôi thế chấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên Triệu Văn P1 cho ông P, nay ông P đã trả lại cho tôi. Ngày 22/9/2016 tôi trả cho vợ chồng ông P bà T 80.000.000đồng tiền gốc, tôi chỉ còn nợ vợ chồng ông P bà T 220.000.000đồng tiền gốc. Bởi vì, tôi đã nói với vợ chồng ông P bà T là tôi vay tiền hộ bà H, bà H không có khả năng trả nợ cho tôi, nên tôi trả trước cho vợ chồng ông P bà T 80.000.000đồng tiền gốc, vợ chồng ông P bà T không nói gì. Ông P viết với nội dung “d L ngày 22/9/2016. AL 22/8/2016”, tôi viết “đã trả được (80.000.000đ) tám mươi triệu đồng”. Tôi và ông P viết nội dung này dưới nội dung giấy vay tiền mà tôi viết ngày 13/6/2016 vào cuốn sổ của ông P. Ông P tự viết thêm cụm từ “số tiền lãi” trước cụm từ tôi đã viết “tám mươi triệu đồng”, đó là quyền của ông P vì ông P cầm giấy. Nếu tôi trả tiền lãi cho vợ chồng ông P bà T, thì tôi đã viết rõ là

trả tiền lãi.

Thời gian vay vàng chưa thỏa thuận ngày trả, nhưng tiền lãi hàng tháng tôi đã trả đầy đủ (không có ký xác nhận) cho vợ chồng ông P bà T , thì vợ chồng ông P bà T mới tiếp tục cho tôi vay vàng và tiền nhiều lần. Từ ngày 13/6/2016 (ngày tôi vay của vợ chồng ông P bà T 300.000.000 đồng) cho đến nay, tôi không trả tiền lãi của số vàng và tiền còn nợ cho vợ chồng ông P bà T , vì từ đó đến nay tôi không còn khả năng trả nợ.

Tôi chỉ còn nợ vợ chồng ông P bà T , bao gồm: 04 (Bốn) cây vàng trong đó có 03 cây vàng miếng (SJC) và 01(Một) cây vàng 9999; 220.000.000đồng tiền gốc, tôi không chấp nhận trả tiền lãi cho vợ chồng ông P bà T , vì hiện nay tôi đang gặp nhiều khó khăn.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 14/2020/DSST ngày 26 tháng 8 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện M , tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 75, Điều 85, Điều 147, Điều 220, khoản 2 Điều 244, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 2 Điều 305, Điều 474 và khoản 2 Điều 476 Bộ Luật Dân sự 2005; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vợ chồng ông Bùi Văn P bà Hoàng Thị T:

Buộc bị đơn bà Nguyễn Thị L phải trả cho nguyên đơn vợ chồng ông Bùi Văn P bà Hoàng Thị T : 05 (Năm) cây vàng miếng SJC và 01 (Một) cây vàng 9999; 311.550.000 đồng (Ba trăm mười một triệu năm trăm năm mươi ngàn đồng), bao gồm 227.575.000đồng tiền nợ gốc và 83.975.000đồng tiền lãi (tính đến ngày 26/8/2020).

Kể từ ngày 27/8/2020 (ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm) cho đến khi thi hành án xong bản án, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án, theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Đình chỉ một phần yêu cầu của nguyên đơn vợ chồng ông Bùi Văn P bà Hoàng Thị T yêu cầu bị đơn bà Nguyễn Thị L phải trả 258.450.000đồng, trong đó có 72.425.000đồng tiền gốc và 186.586.025 đồng tiền lãi

3. Về án phí: Bà Nguyễn Thị L phải chịu 29.257.000đồng (Hai mươi chín triệu hai trăm năm mươi bảy ngàn đồng) tiền án phí Dân sự sơ thẩm.

- Trả lại cho ông Bùi Văn P 18.960.000đồng tiền tạm ứng án phí, theo biên lai thu tiền số AA/2019/0003502 ngày 01/7/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện M'Đrăk.

Ngày 04/9/2020, bị đơn bà Nguyễn Thị L kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại toàn bộ bản án.

Tại phiên tòa, nguyên đơn vẫn giữ nguyên nội dung đơn khởi kiện, bị đơn vẫn giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo đề nghị cấp phúc thẩm xem xét giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án, thẩm phán, Hội đồng xét xử, các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Xét thấy việc bị đơn thừa nhận việc vay tiền và 02 chỉ vàng tại giấy vay có đề ngày 17/4/20012 là phù hợp với lời khai của nguyên đơn. Bị đơn cho rằng khoản vay 02 chỉ vàng vay ngày 17/4/20012 bà viết “ngày bốn trăm” nhưng ông P ghi lại là “tháng bốn trăm” thì coi như đã trả. Trước khi xét xử bà L cung cấp giấy thể hiện việc trả tiền là bản phô tô và trình bày đã trả hết các khoản nợ nhưng không xuất trình được bản gốc và xác nhận không cung cấp được bản gốc. Do đó, không có chứng cứ chứng minh việc bị đơn đã trả nợ đầy đủ cho nguyên đơn. Đối với số tiền bị đơn vay nguyên đơn 300 triệu đồng vào ngày 13/6/2016 đã trả được 80.000.000 đồng và còn nợ 220.000.000 đồng thì bà L không đồng ý trả vì cho rằng khoản vay không có thời hạn nên chưa vi phạm nghĩa vụ nên không thanh toán là không có căn cứ bởi lẽ tại giấy vay ngày 13/6/2016 không thể hiện thời gian trả nhưng có thỏa thuận về lãi suất. Sau ngày vay thì bị đơn đã trả được 80.000.000 đồng và sau đó nguyên đơn có đòi nhiều lần nhưng bị đơn không thanh toán số nợ còn lại là không phù hợp với quy định pháp luật. Theo quy định tại Khoản 2 Điều 477 Bộ luật dân sự 2005 quy định “.. Đối với hợp đồng vay không kỳ hạn và có lãi suất thì bên cho vay có quyền đòi lại tài sản bất cứ lúc nào. Nhưng phải báo trước cho bên vay một khoảng thời gian hợp lý và được trả tiền lãi đến thời điểm nhận lại tài sản. Do vậy không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của bị đơn.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; không chấp nhận đơn kháng cáo của bị đơn Nguyễn Thị L

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 14/2020/DSST ngày 26/8/2020 của Tòa án nhân dân huyện M’ . Buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số vàng đã vay và khoản tiền nợ gốc và lãi suất

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Xét đơn kháng cáo của bị đơn gửi trong hạn luật định và đã nộp tiền tạm ứng án phí, nên được Tòa án cấp phúc thẩm xem xét giải quyết vụ án theo trình tự phúc thẩm là phù hợp.

[2] Xét các nội dung kháng cáo của bị đơn Hội đồng xét xử xét thấy: Bị đơn bà Nguyễn Thị L trình bày tại các bản tự khai, biên bản ghi lời khai và biên bản hòa giải trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp sơ thẩm đều thừa nhận. Quá trình quen biết và đầu tư nông nghiệp bà có vay tiền, vàng của vợ chồng ông Bùi Văn P và bà Hoàng Thị T 06 cây vàng vào các ngày 13/7/2008 vay 01 cây vàng miếng (SJC) lãi suất 300.000đồng/tháng; Ngày 27/7/2008 vay 02 cây vàng miếng (SJC) lãi suất 300.000đồng/tháng/cây; Ngày 05/8/2008 vay 01 cây vàng 9999 lãi suất 300.000đồng/tháng, các giấy vay vàng, bà L đã ký nhận. Đối với khoản vay mà nguyên đơn cho rằng bà vay ngày 17/4/2012 (âm lịch) 02 cây vàng miếng (SJC) lãi suất 400.000đồng/tháng/cây, là không đúng vì không phải thời gian này mà vào ngày 17/4/2009 và lãi suất là 400.000 đồng/ ngày. Vào ngày 13/6/2016 bà có vay ông P bà T 300.000.000 đồng giúp người khác để đáo hạn ngân hàng, thời hạn vay là 10 ngày kể từ ngày vay đồng thời có đưa cho ông P bà T 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Triệu Văn P1 để thế chấp. Đến ngày 22/9/2016 bà đã trả được 80.000.000 đồng, nay còn nợ số tiền 220.000.000 đồng nhưng trong giấy vay không thể hiện ngày trả nên khoản vay này là không thời hạn nên bà không đồng ý trả. Khoản vay ngày 17/4/2009 bà đã trả cho ông P bà T nhưng do chưa lấy giấy vay lại nên bà không đồng ý trả. Do điều kiện kinh tế khó khăn nên bà chưa trả được khoản vay 04 cây vàng vào các ngày 13/7/2008, ngày 27/7/2008, ngày 05/8/2009.

Như vậy, bà L thừa nhận khoản vay 02 cây vàng mà nguyên đơn cho rằng bị đơn vay vào ngày 17/4/2012 là đúng nhưng vì bị nhầm lẫn về thời gian và lãi suất thỏa thuận. Bà cho rằng lãi suất 400.000 đồng/ ngày và ngày vay không phải do bà viết ngày 17/4/2012 mà do nguyên đơn viết. Mặt khác, bà cho rằng mình đã trả 02 cây của khoản vay này nhưng không có giấy tờ chứng minh việc mình đã thanh toán khoản nợ cho nguyên đơn nên không đồng ý trả vì chưa đến thời hạn trả vì thời hạn trả là ngày 17/4/2012 là không có căn cứ. Bởi lẽ thời hạn ghi trong các giấy vay vàng đều thể hiện ngày vay, không thể hiện ngày trong giấy vay là ngày trả nợ nên việc thể hiện ngày tháng năm trong giấy vay là ghi nhận thời điểm vay chứ không phải là ngày trả nợ.

Đối với khoản vay 300.000.000 đồng bà L đã trả được 80.000.000 đồng và còn nợ 220.000.000 đồng chưa trả. Bà cho rằng do khoản vay này không có thời hạn nên chưa đến hạn thanh toán nhưng nguyên đơn khởi kiện yêu cầu trả nợ là không phù hợp nên không đồng ý trả là không có cơ sở. Vì theo nội dung giấy vay ngày 13/6/2016 các bên có thỏa thuận lãi suất và hạn 10 ngày sẽ trả nhưng đến 22/9/2016 đã trả 80.000.000 đồng và còn lại số tiền 220.000.000 đồng không trả mặc dù nguyên đơn yêu cầu nhiều lần. Theo quy định tại Khoản 2 Điều 477 Bộ luật

dân sự 2005 quy định “.. Đối với hợp đồng vay không kỳ hạn và có lãi suất thì bên cho vay có quyền đòi lại tài sản bất cứ lúc nào nhưng phải báo trước cho bên vay một khoảng thời gian hợp lý và được trả tiền lãi đến thời điểm nhận lại tài sản. Cấp sơ thẩm xác định ngày hòa giải tại Ủy ban nhân dân xã K , huyện M để tính lãi suất là phù hợp với quy định pháp luật. Do đó, bị đơn không đồng ý trả nợ vì chưa đến hạn thanh toán là vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo quy định của pháp luật.

Trước khi xét xử phúc thẩm, bị đơn cung cấp tài liệu là bản phô tô do bà L viết và ông P bà T ký. Bà cho rằng đã trả hết số tiền và số vàng đã vay cho nguyên đơn. Tại phiên tòa phúc thẩm bị đơn không xuất trình được bản gốc giấy trả nợ và xác nhận không có bản gốc, nguyên đơn không đồng ý với tài liệu mà bị đơn cung cấp. Vì vậy, tài liệu là bản phô tô mà bị đơn cung cấp không được coi là chứng cứ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự nên không có cơ sở chấp nhận.

Từ những nhận định trên, xét thấy kháng cáo của bị đơn không có cơ sở nên cần giữ nguyên bản án sơ thẩm là phù hợp.

[3] Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bà L phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

[4] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm, không có kháng cáo, không bị kháng cáo kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ vào khoản 1 Điều 308, khoản 1 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Không chấp nhận đơn kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị L – Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 14/2020/DSST ngày 26/8/2020 của Tòa án nhân dân huyện M , tỉnh Đắk Lắk.

Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 75, Điều 85, Điều 147, Điều 220, khoản 2 Điều 244, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 2 Điều 305, Điều 474 và khoản 2 Điều 476 Bộ Luật Dân sự 2005; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

[1]. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Bùi Văn P bà Hoàng Thị T.

Buộc bị đơn bà Nguyễn Thị L phải trả cho nguyên đơn vợ chồng ông Bùi Văn P bà Hoàng Thị T : 05 (Năm) cây vàng miếng SJC và 01 (Một) cây vàng 9999;

Buộc bà Nguyễn Thị L phải trả cho nguyên đơn vợ chồng ông Bùi Văn P bà Hoàng Thị T số tiền 311.550.000đồng (*Ba trăm mười một triệu năm trăm năm mươi ngàn đồng*). Trong đó 227.575.000đồng tiền nợ gốc và 83.975.000đồng tiền lãi (tính đến ngày 26/8/2020).

Kể từ ngày 27/8/2020 (ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm) cho đến khi thi hành án xong bản án, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án, theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

[2]. Đình chỉ một phần yêu cầu của nguyên đơn vợ chồng ông Bùi Văn P bà Hoàng Thị T yêu cầu bị đơn bà Nguyễn Thị L phải trả 258.450.000đồng, trong đó có 72.425.000đồng tiền gốc và 186.586.025 đồng tiền lãi

[3]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị L phải chịu 29.257.000đồng (Hai mươi chín triệu hai trăm năm mươi bảy ngàn đồng) tiền án phí Dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn ông Bùi Văn P và bà Hoàng Thị T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho ông Bùi Văn P 18.960.000đồng tiền tạm ứng án phí, theo biên lai thu tiền số AA/2019/0003502 ngày 01/7/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện M’Đrăk.

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng bà Nguyễn Thị L đã nộp tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm theo biên lai số AA/2019/0003548 của Chi cục thi hành án dân sự huyện M’Đrăk.

[5]. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm, không có kháng cáo, không bị kháng cáo kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.”

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND huyện M’Đrăk;
- Chi cục THADS huyện M’Đrăk;
- Các đương sự;
-;
- Lưu.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Nhung

